



CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**QCVN 01 - 73: 2011/BNNPTNT**

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA  
VỀ KHẢO NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH NGAN GIỐNG**  
*National technical regulation on  
experiment, testing breeding muscovy duck*

HÀ NỘI - 2011

## **Lời nói đầu**

QCVN 01 -73: 2011/BNNPTNT do Cục Chăn nuôi biên soạn, Vụ Khoa học Công nghệ và Môi trường trình duyệt, và được ban hành theo Thông tư số 72./TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 10 năm 2011 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

**QUY CHUẨN KỸ THUẬT QUỐC GIA  
VỀ KHẢO NGHIỆM, KIỂM ĐỊNH NGAN GIỐNG**

***National technical regulation on  
experiment, testing breeding muscovy duck***

**I. QUY ĐỊNH CHUNG**

**1.1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy chuẩn này quy định về khảo nghiệm, kiểm định ngan giống ông bà, bố mẹ và ngan thương phẩm R31, R51 và R71.

**1.2. Đối tượng áp dụng**

Quy chuẩn này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến khảo nghiệm, kiểm định ngan giống trên lãnh thổ Việt Nam.

**1.3. Giải thích từ ngữ**

Trong Quy chuẩn này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1.3.1. Khảo nghiệm ngan giống là việc chăm sóc, nuôi dưỡng, theo dõi trong điều kiện và thời gian nhất định ngan giống mới nhập khẩu lần đầu hoặc ngan giống mới được tạo ra trong nước nhằm xác định tính khác biệt, tính ổn định, tính đồng nhất về năng suất, chất lượng của ngan giống đó.

1.3.2. Kiểm định ngan giống là việc kiểm tra, đánh giá lại năng suất, chất lượng của ngan giống sau khi đưa ra sản xuất.

1.3.3. Ngan giống: bao gồm ngan ông bà, ngan bố mẹ và ngan thương phẩm.

1.3.4. TB: trung bình

1.3.5. HB: hậu bị

1.3.6. ĐVT: đơn vị tính

1.3.7. Ngan R71: dòng nhẹ cân, dòng trung bình, dòng nặng cân (siêu nặng)

## II. QUY ĐỊNH KỸ THUẬT

### 2.1. Quy định lấy mẫu

- Tiến hành chọn ngẫu nhiên trong đàn ngan.
- Số lượng ngan giống ông bà, bố mẹ cần khảo nghiệm, kiểm định: Không nhỏ hơn 50 con mái sinh sản và số con trống theo tỷ lệ phù hợp.
- Số lượng ngan thương phẩm cần khảo nghiệm, kiểm định: Không nhỏ hơn 100 con 01 ngày tuổi gồm 50% con trống và 50% con mái.

### 2.2. Địa điểm khảo nghiệm, kiểm định

Tại cơ sở đăng ký hoạt động khảo nghiệm, kiểm định ngan giống đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ định.

**2.3. Chăm sóc, nuôi dưỡng:** Theo quy trình chăm sóc, nuôi dưỡng của cơ sở cung cấp ngan giống.

**2.4. Định mức các chỉ tiêu kỹ thuật khảo nghiệm, kiểm định ngan giống** (đối với kiểm định không nhất thiết phải theo dõi tất cả các chỉ tiêu kỹ thuật như khảo nghiệm mà chỉ theo dõi chỉ tiêu kỹ thuật được yêu cầu )

#### 2.4.1. Ngan giống ông bà

TT	Chỉ tiêu kỹ thuật	ĐVT	R31	R51	R71
	<b>Ngan hậu bị</b>				
1	Thời gian nuôi hậu bị	tuần	26 - 27	25 - 26	25 - 27
2	Tỷ lệ nuôi sống không thấp hơn	%	90	90	90
3	Khối lượng cơ thể khi kết thúc HB				
	• Đối với ngan trống	g	4.000 - 4.300	4.000 - 4.200	4.000 - 4.500
	• Đối với ngan mái	g	2.300 - 2.500	2.100 - 2.400	2.200 - 2.600

	<b>Ngan mái sinh sản</b>				
1	Tuổi đẻ 5%	tuần	27 - 28	26 - 27	26 - 27
2	Năng suất trứng/mái/13 tuần đẻ đầu không thấp hơn	quả	38	40	40
3	Khối lượng trứng giống lúc 13 tuần đẻ đầu trong khoảng	g/quả	76 - 86	75 - 85	76 - 87
4	Tỷ lệ trứng đủ tiêu chuẩn giống không thấp hơn	%	84	84	84
5	Tỷ lệ ấp nở bình quân/tổng trứng vào ấp không thấp hơn	%	72	72	72
6	Tỷ lệ hao hụt/tháng không cao hơn	%	2	2	2
7	Tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng không cao hơn	g	5.100	5.000	5.050
8	Số lượng ngan con/mái/13 tuần đẻ đầu không thấp hơn	con	25	26	26

2.4.2. Ngan giống bố mẹ

TT	Chỉ tiêu kỹ thuật	ĐVT	R31	R51	R71
	<b>Ngan hậu bị</b>				
1	Thời gian nuôi hậu bị	tuần	26 - 27	24 - 25	25 - 26
2	Tỷ lệ nuôi sống không nhỏ hơn	%	90	90	90
3	Khối lượng cơ thể khi kết thúc HB				
	• Đối với ngan trống	g	4.000 - 4.300	4.100 - 4.200	4.200 - 4.600
	• Đối với ngan mái	g	2.300 - 2.500	2.200 - 2.400	2.300- 2.600
	<b>Ngan mái sinh sản</b>				
1	Tuổi đẻ 5%	tuần	27 - 28	26 - 27	27 - 28

**QCVN 01 - 73: 2011/BNNPTNT**

2	Năng suất trứng/mái/13 tuần đẻ đầu không thấp hơn	quả	39	42	41
3	Khối lượng trứng giống lúc 13 tuần đẻ đầu trong khoảng	g/quả	76 - 86	75 - 85	76 - 87
4	Tỷ lệ trứng đủ tiêu chuẩn giống không thấp hơn	%	84	84	84
5	Tỷ lệ ấp nở bình quân/tổng trứng vào ấp không thấp hơn	%	72	72	72
6	Tỷ lệ hao hụt/tháng không cao hơn	%	2	2	2
7	Tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng không cao hơn	g	5.100	5.000	5.050
8	Số lượng ngan con/mái/13 tuần đẻ đầu không thấp hơn	con	26	28	27

**2.4.3. Ngan thương phẩm**

TT	Chỉ tiêu kỹ thuật	ĐVT	R31	R51	R71
1	Thời gian nuôi	ngày	84	84	84
2	Tỷ lệ nuôi sống không thấp hơn	%	90	90	90
3	Khối lượng TB lúc xuất bán không thấp hơn	g	3.200	3.100	3.200
4	Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng không cao hơn	g	3.000	3.100	3.000

**2.5. Thời gian khảo nghiệm, kiểm định ngan giống****2.5.1. Thời gian khảo nghiệm**

- Đối với ngan giống ông bà: Từ 01 ngày tuổi đến khi theo dõi hết các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại mục 2.4.1 của Quy chuẩn này.

- Đối với ngan giống bố mẹ: Từ 01 ngày tuổi đến khi theo dõi hết các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại mục 2.4.2 của Quy chuẩn này.

- Đối với ngan thương phẩm: Từ 01 ngày tuổi đến khi theo dõi hết các chỉ tiêu kỹ thuật được quy định tại mục 2.4.3 của Quy chuẩn này.

#### 2.5.2. Thời gian kiểm định

- Đối với ngan giống ông bà: Từ 01 ngày tuổi đến khi theo dõi xong các chỉ tiêu kỹ thuật cần kiểm định được quy định tại mục 2.4.1 của Quy chuẩn này.

- Đối với ngan giống bố mẹ: Từ 01 ngày tuổi đến khi theo dõi xong các chỉ tiêu kỹ thuật cần kiểm định được quy định tại mục 2.4.2 của Quy chuẩn này.

- Đối với ngan thương phẩm: Từ 01 ngày tuổi đến khi theo dõi xong các chỉ tiêu kỹ thuật cần kiểm định được quy định tại mục 2.4.3 của Quy chuẩn này.

### 2.6. Phương pháp xác định các chỉ tiêu kỹ thuật của ngan giống

#### 2.6.1. Tỷ lệ nuôi sống (%)

$$\text{Tỷ lệ nuôi sống (\%)} = \frac{\text{Số lượng cuối kỳ (con)}}{\text{Số lượng đầu kỳ (con)}} \times 100$$

#### 2.6.2. Tỷ lệ hao hụt/tháng (%)

$$\text{Tỷ lệ hao hụt/tháng (\%)} = \frac{\text{Số lượng hao hụt/tháng (con)}}{\text{Số lượng đầu tháng (con)}} \times 100$$

#### 2.6.3. Khối lượng cơ thể (g)

Là khối lượng được cân vào giờ nhất định của buổi sáng trước khi cho ăn.

#### 2.6.4. Khối lượng TB trứng giống lúc 13 tuần đẻ đầu (g)

Cân tất cả số lượng trứng thu được ở tuần đẻ thứ 13 rồi tính bình quân (sử dụng cân kỹ thuật có độ chính xác đến 0,1 g)

$$\text{Khối lượng TB trứng giống lúc 13 tuần đẻ đầu (g)} = \frac{\text{Tổng khối lượng trứng (g)}}{\text{Tổng số trứng được cân (quả)}}$$

#### 2.6.5. Tỷ lệ trứng đủ tiêu chuẩn giống (%)

$$\text{Tỷ lệ trứng đủ tiêu chuẩn giống (\%)} = \frac{\text{Tổng số trứng giống (quả)}}{\text{Số lượng trứng được cân (quả)}} \times 100$$

Tổng số trứng thu được (quả)

2.6.6. Tỷ lệ ấp nở (%)

$$\text{Tỷ lệ ấp nở (\%)} = \frac{\text{Tổng số ngan con nở ra còn sống (con)}}{\text{Tổng số trứng ấp (quả)}} \times 100$$

2.6.7. Tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng (g)

$$\text{Tiêu tốn thức ăn/10 quả trứng (g)} = \frac{\text{Tổng số thức ăn tiêu thụ trong giai đoạn đẻ (g)}}{\text{Tổng số trứng thu được (quả)}} \times 10$$

2.6.8. Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng (g)

$$\text{Tiêu tốn thức ăn/kg tăng khối lượng (g)} = \frac{\text{Tổng số thức ăn tiêu thụ (g)}}{\text{Tổng khối lượng tăng của ngan (kg)}}$$

2.6.9. Năng suất trứng (quả/mái)

$$\text{Năng suất trứng (quả/mái)} = \frac{\text{Tổng số trứng thu được (quả)}}{\text{Số lượng ngan mái bình quân trong kỳ (con)}}$$



### III. QUY ĐỊNH VỀ QUẢN LÝ

#### 3.1. Chứng nhận hợp quy

3.1.1. Ngan giống của các cơ sở sản xuất, kinh doanh phải được chứng nhận hợp quy về các chỉ tiêu kỹ thuật theo các quy định tại Quy chuẩn này và chịu sự giám sát của cơ quan quản lý có thẩm quyền.

3.1.2. Phương thức đánh giá, chứng nhận hợp quy thực hiện theo Thông tư số 83/2009/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

#### 3.2. Công bố hợp quy

3.2.1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh ngan giống phải thực hiện công bố hợp quy và đăng ký hợp quy tại Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nơi tổ chức, cá nhân đăng ký hoạt động sản xuất, kinh doanh.

3.2.2. Ngan giống của các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh lưu thông trên thị trường phải có dấu chứng nhận hợp quy đóng trên giấy chứng nhận chất lượng con giống.

3.2.3. Hoạt động công bố hợp quy phải đáp ứng các yêu cầu về công bố hợp quy quy định tại Thông tư số 83/2009/TT-BNNPTNT ngày 25 tháng 12 năm 2009 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

#### 3.3. Giám sát, xử lý vi phạm

3.3.1. Cục Chăn nuôi, các Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn các tỉnh, thành phố chịu trách nhiệm tổ chức kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy chuẩn này theo phân công, phân cấp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

3.3.2. Việc thanh tra, kiểm tra và xử lý vi phạm phải tuân thủ theo quy định pháp luật hiện hành.

#### 3.4. Tổ chức thực hiện

3.4.1. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc đối tượng tại mục 1.2 phải áp dụng Quy chuẩn này.

3.4.2. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn giao cho Cục Chăn nuôi phổ biến, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện Quy chuẩn này.

## **QCVN 01 - 73: 2011/BNNPTNT**

3.4.3. Trong trường hợp các quy định tại Quy chuẩn này có sự thay đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo quy định nêu tại văn bản mới do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành.

3.4.4. Trong trường hợp Việt Nam ký kết hiệp định song phương hoặc đa phương mà có những điều khoản khác với quy định trong Quy chuẩn này thì thực hiện theo điều khoản của hiệp định song phương hoặc đa phương đó./.

---